

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **220/2019/DS-ST**

Ngày: 06/8/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Mai Lưu Quốc Đạt**;

2. Ông **Đoàn Thanh Phong**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 101/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-DS ngày 03/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 221/2019/QĐST-DS ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Tên thường gọi là C.

2. Bị đơn: **Huỳnh Ngọc A**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện N, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản B giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Do có quen biết với nhau nên vào ngày 09/03/2017 bà B có cho ông Huỳnh Ngọc A mượn số tiền 60.610.000 đồng để chi tiêu trong gia đình. Khi mượn ông A có viết cho bà B giấy biên nhận mượn tiền và hứa 03 tháng sẽ trả lại cho bà, nhưng qua 03 tháng ông A không trả tiền cho bà B mà còn thách thức kêu bà đi kiện. Tại buổi B giải tại xã G ông A có thừa nhận có mượn bà số tiền 60.610.000 đồng nhưng ông A nói không có khả năng trả nên ông không trả cho bà, ông xin trả dần. Từ đó cho đến nay ông A không trả cho bà B khoản tiền nào hết. Nay bà B yêu cầu ông Huỳnh Ngọc A phải trả cho bà số tiền vốn là 60.610.000 đồng không yêu cầu trả lãi. Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* **Tại phiên tòa**, bà B vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Ngọc A phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 60.610.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc A từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng ông A vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B khởi kiện ông Huỳnh Ngọc A có địa chỉ tại ấp Ấp D, xã G, huyện N, Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn 60.610.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản B giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà B và A có xác lập quan hệ vay mượn tiền, do có quen biết nên vào ngày 09/3/2017, nhằm ngày 12/02/2017 A1 bà B có cho ông A vay tiền 60.610.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng nói miệng thời hạn là 03 tháng. Sau khi vay ông A không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận mặc dù bà B đến đòi nhiều lần, như vậy ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà B. Việc không trả tiền như thỏa thuận của ông A đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà B. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông A phải trả số tiền 60.610.000 đồng không yêu cầu tính lãi là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ông Huỳnh Ngọc A vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông A.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Việc bà Nguyễn Thị B không yêu cầu ông A phải trả tiền lãi, yêu cầu này là phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời hạn trả: Bà B và ông A cam kết thỏa thuận trả số tiền 60.610.000 đồng thời hạn 03 tháng nhưng ông A đã không thực hiện đúng như thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà B, do đó bà B yêu cầu ông A trả số tiền 60.610.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn ông Huỳnh Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. Buộc ông Huỳnh Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 60.610.000 đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm mười ngàn đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông A chậm thi hành án số tiền nêu trên thì ông phải trả cho bà B tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: ông Huỳnh Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.030.500 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí 1.515.000 đồng (Một triệu năm trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015805 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Ông Huỳnh Ngọc A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng